

CHƯƠNG 2 – KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

Bài 2.1: Tại 1 doanh nghiệp SX tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ có tình hình nhập – xuất vật liệu như sau:

Tồn đầu tháng: Vật liệu (VL) A: 800kg x 60.000đ, VL B: 200kg x 20.000đ

Trong tháng:

- Mua 500kg VL A, đơn giá chưa thuế 62.000đ/kg và 300kg VL B, đơn giá chưa thuế 21.000đ/kg, thuế suất thuế GTGT của VL A và VL B là 10%, VL nhập kho đủ, tiền chưa trả. Chi phí vận chuyển VL 176.000đ trả bằng tiền mặt, trong đó thuế GTGT 16.000đ, phân bổ cho hai loại vật liệu theo khối lượng.
- Xuất kho 1.000kg VL A và 300kg VL B trực tiếp SX sản phẩm.
- Dùng TGNH trả nợ người bán ở nghiệp vụ 1 sau khi trừ khoản chiết khấu thanh toán 1% giá mua chưa thuế.
- Xuất kho 50kg VL B sử dụng ở bộ phận QLDN.
- Nhập kho 700kg VL A, đơn giá chưa thuế 61.000đ và 700kg VL B, đơn giá chưa thuế 19.000đ do người bán chuyển đến, thuế GTGT là 10%, đã thanh toán đủ bằng tiền chuyển khoản.
- Xuất kho 600kg VL A và 400kg VL B vào trực tiếp SX sản phẩm.

Yêu cầu: Tính toán và trình bày bút toán ghi sổ tình hình trên theo hệ thống KCTX với các phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Nhập trước – Xuất trước (FIFO), Nhập sau – Xuất trước (LIFO), bình quân gia quyền cuối kỳ, bình quân gia quyền liên hoàn.

Bài giải

Đầu kỳ:

$$\begin{aligned} A &= 48.000.000 & = 800 \times 60.000 \\ B &= 4.000.000 & = 200 \times 20.000 \end{aligned}$$

1. Nhập kho

$$\begin{aligned} \text{Nợ TK 152 (A):} & \quad 31.000.000 & = 500 \times 62.000 \\ \text{Nợ TK 133 (A):} & \quad 3.100.000 & \\ \text{Có TK 331:} & \quad 34.100.000 & \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Nợ TK 152 (B):} & \quad 6.300.000 & = 300 \times 21.000 \\ \text{Nợ TK 133:} & \quad 630.000 & \\ \text{Có 331:} & \quad 6.930.000 & \end{aligned}$$

Trần Ngọc Thiện – TCDN 07 – K32

<http://www.nhomsfr.com>

500

$$\text{Nợ TK 152 (A):} \quad 100.000 \quad = (176.000 - 16.000)$$

$$\text{Nợ TK 152 (B):} \quad 60.000 \quad = (176.000 - 16.000)$$

$$\text{Nợ TK 331:} \quad 16.000$$

$$\text{Có TK 111:} \quad 176.000$$

$$\frac{31.000.000 + 100.000}{100}$$

$$\text{Giá VL A (tính luôn chi phí vận chuyển): } 62.200 =$$

$$\text{Giá VL B (tính luôn chi phí vận chuyển): } 21.200 =$$

2. Xuất kho

Phương pháp FIFO:

$$\text{Nợ TK 621:} \quad 66.560.000$$

$$\text{Có TK 152 (A):} \quad 60.440.000 = 800 \times 60.000 + 200 \times 62.200$$

$$\text{Có TK 152 (B):} \quad 6.120.000 = 200 \times 20.000 + 100 \times 21.200$$

Phương pháp LIFO:

$$\text{Nợ TK 621:} \quad 67.460.000$$

$$\text{Có TK 152 (A):} \quad 61.100.000 = 500 \times 62.200 + 500 \times 60.000$$

$$\text{Có TK 152 (B):} \quad 6.360.000 = 300 \times 21.200$$

Phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn:

$$\text{Giá trung bình của A: } 60.850 = \frac{800 \cdot 60.000 + 200 \cdot 62.200}{1000}$$

$$\text{Giá trung bình của B: } 20.720 = \frac{200 \cdot 20.000 + 100 \cdot 21.200}{300}$$

$$\text{Nợ TK 621:} \quad 67.066.000$$

$$\text{Có TK 152 (A):} \quad 60.850.000 = 60.850 \times 1.000$$

$$\text{Có TK 152 (B):} \quad 6.216.000 = 20.720 \times 300$$

Phương pháp bình quân cuối kỳ:

$$\text{Giá trung bình cuối kỳ của A: } 60.900 = \frac{800 \cdot 60.000 + 500 \cdot 62.200 + 700 \cdot 61.000}{1000}$$

$$\text{Giá trung bình cuối kỳ của B: } 19.720 = \frac{200 \cdot 20.000 + 300 \cdot 21.200 + 700 \cdot 19.000}{1200}$$

$$\text{Nợ TK 621:} \quad 66.816.000$$

$$\text{Có TK 152 (A):} \quad 60.900.000 = 60.900 \times 1.000$$

$$\text{Có TK 152 (B):} \quad 5.916.000 = 19.720 \times 300$$

3. Trả tiền:

$$\text{Nợ TK 331:} \quad 373.000 \quad = (31.000.000 + 6.300.000) \times 1\%$$

$$\text{Có TK 515:} \quad 373.000$$

$$\text{Nợ TK 331:} \quad 40.657.000 \quad = (34.100.000 + 6.930.000) - 373.000$$

$$\text{Có TK 112:} \quad 40.657.000$$

Trần Ngọc Thiện – TCDN 07 – K32

<http://www.nhomsfr.com>**4. Xuất kho:***Phương pháp FIFO:*

Nợ TK 642: 1.060.000
 Có TK 152 (B): 1.060.000 = 50 x 21.200

Phương pháp LIFO:

Nợ TK 642: 1.000.000
 Có TK 152 (B): 1.000.000 = 50 x 20.000

Phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn:

Giá trung bình của B: 20.720 = $\frac{202200000}{9700}$

Nợ TK 642: 1.036.000
 Có TK 152 (B): 1.036.000 = 50 x 20.720

Phương pháp bình quân cuối kỳ:

Nợ TK 642: 986.000
 Có TK 152 (B): 986.000 = 50 x 19.720

5. Nhập kho:

Nợ TK 152 (A): 42.700.000 = 700 x 61.000
 Nợ TK 152 (B): 13.300.000 = 700 x 19.000
 Nợ TK 133: 5.600.000 = (42.700.000 + 13.300.000) x 10%
 Có TK 112: 61.600.000

6. Xuất kho:*Phương pháp FIFO:*

Nợ TK 621: 44.890.000
 Có TK 152 (A): 36.960.000 = 300 x 62.200 + 300 x 61.000
 Có TK 152 (B): 7.930.000 = 150 x 21.200 + 250 x 19.000

Phương pháp LIFO:

Nợ TK 621: 44.200.000
 Có TK 152 (A): 36.600.000 = 600 x 61.000
 Có TK 152 (B): 7.600.000 = 400 x 19.000

Phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn:

Giá trung bình của A: 60.960 = $\frac{60960000}{1000}$

Giá trung bình của B: 19.300 = $\frac{20220000}{1050}$

Nợ TK 621: 44.296.000
 Có TK 152 (A): 36.576.000 = 600 x 60.960
 Có TK 152 (B): 7.720.000 = 400 x 19.300

Trần Ngọc Thiện – TCDN 07 – K32

<http://www.nhomsfr.com>

Phương pháp bình quân cuối kỳ:

Nợ TK 621:	44.428.000	
Có TK 152 (A):	36.540.000	= 600 x 60.900
Có TK 152 (B):	7.888.000	= 400 x 19.720

Bài 2.2: Tại 1 doanh nghiệp có tình hình nhập – xuất kho vật liệu A như sau:

Ngày	Diễn giải	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
			SL	Tiền	SL	Tiền	SL	Tiền
	Tồn đầu tháng	10.000					100	1.000.000
02/06	Nhập kho	10.200	300	3.060.000				
04/06	Nhập kho	10.600	400	4.240.000				
05/06	Xuất kho				400	?		
10/06	Nhập kho	10.300	200	2.060.000				
14/06	Xuất kho				300	?		
20/06	Nhập kho	10.500	600	6.300.000				
25/06	Xuất kho				500	?		
	Tồn cuối tháng						400	

Yêu cầu: Hãy tính giá thực tế xuất kho của vật liệu A và điền vào chỗ có dấu (?) trên bảng theo các phương pháp và giá thực tế đích danh. Cho biết nếu áp dụng phương pháp giá thực tế đích danh thì số lượng xuất cụ thể như sau:

- Ngày 05/06: Xuất 400kg gồm 200kg nhập ngày 02/06 và 200kg nhập ngày 04/06
- Ngày 14/06: Xuất 300kg gồm 100kg tồn đầu kỳ và 200kg nhập ngày 04/06
- Ngày 25/06: Xuất 500kg gồm 100kg nhập ngày 10/06 và 400kg nhập ngày 20/06

Bài giải

Ngày	Diễn giải	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
			SL	Tiền	SL	Tiền	SL	Tiền
	Tồn đầu tháng	10.000					100	1.000.000
02/06	Nhập kho	10.200	300	3.060.000				
04/06	Nhập kho	10.600	400	4.240.000				
05/06	Xuất kho				400	4.160.000		
10/06	Nhập kho	10.300	200	2.060.000				
14/06	Xuất kho				300	3.120.000		
20/06	Nhập kho	10.500	600	6.300.000				
25/06	Xuất kho				500	5.230.000		
	Tồn cuối tháng						400	

- Ngày 05/06: Xuất 400kg = 4.160.000đ = 200 x 10.200 + 200 x 10.600 => Giá: 10.400đ
- Ngày 14/06: Xuất 300kg = 3.120.000đ = 100 x 10.000 + 200 x 10.600 => Giá: 10.400đ
- Ngày 25/06: Xuất 500kg = 5.230.000đ = 100 x 10.300 + 400 x 10.500 => Giá: 10.460đ

Email: thien_vodich_no01@yahoo.com

Bài 2.3: Công ty Tiến Thịnh nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, trong tháng 5 có tình hình công cụ A như sau:

I. Số dư đầu tháng 5:

- TK 153: 5.000.000đ = 1.000 đơn vị A x 5.000đ
- TK 133: 3.000.000đ

II. Tình hình phát sinh trong tháng 5:

1. Công ty Minh Long chuyển đến đơn vị một lô hàng công cụ A, trị giá hàng ghi trên hóa đơn là 4.000 đơn vị, đơn giá chưa thuế 5.600đ, thuế GTGT 10%. Khi kiểm nhận nhập kho phát hiện thiếu 300 đơn vị hàng, đơn vị cho nhập kho và chấp nhận thanh toán theo số hàng thực nhận.
2. Đơn vị xuất 2.000 công cụ A cho bộ phận bán hàng sử dụng trong 4 tháng, phân bổ từ tháng này.
3. Xuất trả lại 1.000 công cụ A cho công ty Minh Long vì hàng kém phẩm chất, bên bán đã thu hồi về nhập kho.
4. Xuất 1.000 công cụ A để phục vụ sản xuất sản phẩm và 500 công cụ A cho bộ phận quản lý doanh nghiệp.
5. Công ty Long Hải chuyển đến đơn vị một lô hàng công cụ, trị giá hàng ghi trên hóa đơn là 4.000 đơn vị, đơn giá 6.000đ, thuế GTGT 10%. Hàng nhập kho đủ. Sau đó do hàng kém phẩm chất, đơn vị đề nghị bên bán giảm giá 20% trên giá thanh toán (có bao gồm cả thuế GTGT 10%), bên bán đã chấp nhận.
6. Đơn vị chi tiền mặt trả hết nợ cho công ty Minh Long sau khi đã trừ đi phần chiết khấu thanh toán 1% trên số tiền thanh toán.

Yêu cầu: Tính toán và trình bày bút toán ghi sổ tình hình trên, biết rằng đơn vị xác định giá trị thực tế hàng xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO).

Bài giải

1.

Nợ TK 153:	20.720.000	= 3.700 x 5.600
Nợ TK 133:	2.072.000	
Có TK 331:	22.792.000	

2.

Nợ TK 641:	2.650.000	
Nợ TK 142:	7.950.000	
Có TK 153:	10.600.000	= 1.000 x 5.000 + 1.000 x 5.600

Email: thien_vodich_no01@yahoo.com

Trần Ngọc Thiện – TCDN 07 – K32

<http://www.nhomsfr.com>**3.**

Nợ TK 331:	6.160.000	
Có TK 133:	560.000	
Có TK 153:	5.600.000	= 1000 x 5.600

4.

Nợ TK 627:	5.600.000	= 1000 x 5.600
Nợ TK 642:	2.800.000	= 500 x 5.600
Có TK 153:	8.400.000	

5.

Nợ TK 153:	24.000.000	= 4.000 x 6.000
Nợ TK 133:	2.400.000	
Có TK 331:	26.400.000	

Nợ TK 331:	5.280.000	= 26.400.000 x 20%
Có TK 133:	480.000	= 2.400.000 x 20%
Có TK 153:	4.800.000	= 24.000.000 x 20%

6.

Nợ TK 331:	16.632.000	= 22.792.0000 – 6.160.000
Có TK 111:	16.465.680	= (22.792.000 – 6.160.000) x 99%
Có TK 515:	166.320	= (22.792.000 – 6.160.000) x 1%

Bài 2.4: Công ty sản xuất ABC kê khai và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế, kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng tồn kho theo phương pháp Nhập trước – Xuất trước (FIFO).

Số dư đầu tháng 12 một vài tài khoản như sau: (Đơn vị tính: Đồng)

- TK 152: 110.000.000 (chi tiết: 5.000kg)
- TK 154: 8.000.000
- TK 155: 315.000.000 (chi tiết: 7.000 sản phẩm)

Các tài khoản khác có số dư hợp lý.

Trong tháng 12, phát sinh các nghiệp vụ kế toán sau: (Đơn vị tính: Đồng)

1. Mua 5.000kg vật liệu (giá mua chưa thuế 20.000đ/kg, thuế GTGT 10%), chưa thanh toán tiền cho nhà cung cấp. Chi phí vận chuyển thanh toán bằng tiền mặt tạm ứng 5.500.000đ (bao gồm thuế GTGT 10%). Vật liệu nhập kho đủ.
2. Công ty ABC chuyển khoản thanh toán tiền mua vật liệu cho nhà cung cấp sau khi trừ chiết khấu thanh toán 2% (tính trên giá mua chưa thuế).
3. Xuất kho 8.000kg vật liệu dùng trực tiếp sản xuất sản phẩm.
4. Tiền lương phải trả của tháng 12:

Bộ phận	Số tiền (đ)
Công nhân trực tiếp sản xuất	20.000.000
Nhân viên quản lý phân xưởng	10.000.000
Nhân viên bán hàng	10.000.000
Nhân viên quản lý doanh nghiệp	15.000.000
Tổng cộng	55.000.000

5. Trích BHYT, BHXH và KPCĐ theo tỷ lệ quy định.
6. Trích khấu hao tài sản cố định tháng 12:

Bộ phận	Số tiền (đ)
Phân xưởng sản xuất	10.000.000
Bộ phận bán hàng	10.000.000
Bộ phận quản lý doanh nghiệp	5.000.000
Tổng cộng	25.000.000

7. Nhập kho lại 1.000kg vật liệu sử dụng không hết, trị giá 21.000.000đ.
8. Phân xưởng sản xuất hoàn thành nhập kho 4.000 sản phẩm. Chi phí sản xuất dở dang cuối tháng 13.700.000đ
9. Xuất kho 10.000 sản phẩm chuyển đến cho công ty A với giá bán chưa thuế 65.000đ/sp, thuế GTGT 10%. Cuối tháng công ty A chưa nhận được hàng.

Yêu cầu: Tính toán và trình bày bút toán ghi sổ tình hình trên.

Email: thien_vodich_no01@yahoo.com

Bài giải**1.**

Nợ TK 152: 100.000.000 = 20.000 x 5.000
 Nợ TK 133: 10.000.000
 Có TK 331: 110.000.000

Nợ TK 152: 5.000.000
 Nợ TK 133: 500.000
 Có TK 141: 5.500.000

Giá xuất kho của nguyên liệu: 21.000 = $\frac{100.000.000 + 5.000.000}{\dots}$

2.

Nợ TK 331: 110.000.000
 Có TK 111: 108.000.000
 Có TK 515: 2.000.000 = 100.000.000 x 2%

3.

Nợ TK 621: 173.000.000
 Có TK 152: 173.000.000 = 110.000.000 + 3.000 x 21.000

4.

Nợ TK 622: 20.000.000
 Nợ TK 627: 10.000.000
 Nợ TK 641: 10.000.000
 Nợ TK 642: 15.000.000
 Có TK 334: 55.000.000

5.

Nợ TK 622: 3.800.000 = 20.000.000 x 19%
 Nợ TK 627: 1.900.000 = 10.000.000 x 19%
 Nợ TK 641: 1.900.000 = 10.000.000 x 19%
 Nợ TK 642: 2.850.000 = 15.000.000 x 19%
 Nợ TK 334: 3.300.000 = 55.000.000 x 6%
 Có TK 338: 13.750.000

6.

Nợ TK 627: 10.000.000
 Nợ TK 641: 10.000.000
 Nợ TK 642: 5.000.000
 Có TK 214: 25.000.000

Trần Ngọc Thiện – TCDN 07 – K32

<http://www.nhomsfr.com>

7.

Nợ TK 152: 21.000.000 = 21.000 x 1.000
 Có TK 621: 21.000.000

8.

TK 621

(152) 173.000.000	021.000.000 (152)
	152.000.000 (154)

TK 622

(334) 20.000.000	23.800.000 (154)
(338) 3.800.000	

TK 627

(334) 10.000.000	21.900.000 (154)
(338) 1.900.000	
(214) 10.000.000	

TK 154

	8.000.000
(621) 152.000.000	192.000.000 (155)
(622) 23.800.000	
(627) 21.900.000	
	13.700.000

Nợ TK 154: 197.700.000
 Có TK 621: 152.000.000
 Có TK 622: 23.800.000
 Có TK 627: 21.900.000

Nợ TK 155: 192.000.000
 Có TK 154: 192.000.000

Giá nhập kho: 48.000đ = $\frac{192.000.000}{4000}$

9.

Nợ TK 157: 459.000.000
 Có TK 155: 459.000.000 = 315.000.000 + 48.000 x 3.000

Bài 2.5: Công ty kinh doanh HH tổ chức kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, xác định giá trị hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ. Nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Trong tháng 3, có tài liệu như sau:

I. Số dư đầu tháng:

- TK 156: 13.431.200đ (6.400 đơn vị hàng X)
- TK 157: 840.000đ (400 đơn vị hàng X – gửi bán cho công ty B)
- TK 131: 12.000.000đ (Chi tiết: Công ty A còn nợ 20.000.000đ, Công ty B ứng trước tiền mua hàng 8.000.000đ)

II. Trích các nghiệp vụ phát sinh trong tháng:

1. Xuất kho 500 đơn vị hàng X bán cho công ty B, giá bán chưa thuế 2.800đ/đơn vị, thuế GTGT 10%. Tiền hàng chưa thu, công ty B đã nhận được hàng.
2. Nhập kho 6.000 đơn vị hàng X mua của công ty C với giá mua chưa thuế 2.200đ/đơn vị, thuế GTGT 10%, tiền hàng chưa thanh toán.
3. Xuất kho 2.000 đơn vị hàng X gửi bán cho công ty B.
4. Nhập kho 4.000 đơn vị hàng X mua của công ty D với giá mua chưa thuế 2.250đ/đơn vị, thuế GTGT 10%, đã thanh toán bằng tiền mặt.
5. Công ty B chấp nhận thanh toán số hàng gửi đi bán ở tháng trước, số lượng 400 đơn vị, giá bán chưa thuế 2.900đ/đơn vị, thuế GTGT 10%.
6. Xuất kho 6.000 đơn vị hàng X gửi đi bán cho công ty A, giá bán chưa thuế 2.900đ/đơn vị, thuế GTGT 10%. Sau đó nhận được hồi báo của công ty A đã nhận được hàng, nhưng chỉ chấp nhận thanh toán 5.000 đơn vị hàng X, số còn lại do kém phẩm chất đã trả lại. Công ty HH đã cho nhập kho 1.000 đơn vị hàng X trả lại.

Yêu cầu: Trình bày bút toán ghi sổ.

Bài làm

$$\text{Giá vốn bình quân cuối kỳ của hàng X: } 2.173 = \frac{13.431.200 + 6.000 \cdot 2.200 + 4.000 \cdot 2.250}{6.400 + 6.000 + 4.000}$$

1.

Nợ TK 632: 1.086.500 = 2.173 x 500
 Có TK 156: 1.086.500

Nợ TK 131: 1.540.000
 Có TK 333: 140.000
 Có TK 511: 1.400.000

Email: thien_vodich_no01@yahoo.com

Trần Ngọc Thiện – TCDN 07 – K32

<http://www.nhomsfr.com>**2.**

Nợ TK 156: 13.200.000 = 6.000 x 2.200
 Nợ TK 133: 1.320.000
 Có TK 331: 14.520.000

3.

Nợ TK 157: 4.346.000
 Có TK 156: 4.346.000 = 2.173 x 2.000

4.

Nợ TK 156: 9.000.000 = 4.000 x 2.250
 Nợ TK 133: 900.000
 Có TK 111: 9.900.000

5.

Nợ TK 632: 840.000
 Có TK 157: 840.000
 Nợ TK 131: 1.276.000
 Có TK 333: 116.000
 Có TK 511: 1.160.000

6.

Nợ TK 157: 13.038.000
 Có TK 156: 13.038.000 = 2.173 x 6.000

Nợ TK 632: 10.865.000
 Có TK 157: 10.865.000 = 2.173 x 5.000

Nợ TK 156: 2.173.000 = 2.173 x 1.000
 Có TK 157: 2.173.000

Nợ TK 131: 15.950.000
 Có TK 333: 1.450.000
 Có TK 511: 14.500.000 = 5.000 x 2.900

Bài 2.6: Công ty HH thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, tổ chức kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Trong tháng 8 có tình hình như sau:

1. Tình hình mua hàng

- Nhận được một số hàng do công ty Minh Phước gửi đến, trị giá hàng ghi trên hóa đơn là 5.200 đơn vị x 28.000đ, thuế GTGT 10%. Khi kiểm nhận nhập kho phát hiện thiếu 100 đơn vị. Công ty chấp nhận thanh toán theo số thực nhận. Nếu công ty thanh toán trong vòng 10 ngày kể từ lúc nhận hàng sẽ được hưởng chiết khấu thanh toán 2% giá thanh toán.
- Nhập kho hàng mua đang đi đường tháng trước với giá trị 5.000.000đ (hóa đơn 662 ngày 18/07 có giá trị), số hàng còn lại so với hóa đơn bị thiếu chưa xác định nguyên nhân 1.000.000đ.
- Nhận được chứng từ đòi tiền của công ty Hoàng Minh đề nghị thanh toán lô hàng trị giá theo hóa đơn chưa thuế 20.000.000đ, thuế GTGT 10%, đơn vị đã thanh toán bằng tiền mặt, cuối tháng hàng chưa về.
- Số hàng mua của công ty Minh Phước, đơn vị được giảm giá 10% giá thanh toán (gồm thuế GTGT 10%) do hàng kém phẩm chất. Đơn vị đã chi tiền mặt thanh toán cho công ty Minh Phước trong thời gian được hưởng chiết khấu thanh toán.

2. Tình hình bán hàng

- Bán cho công ty Z thu bằng chuyển khoản giá bán chưa thuế là 28.000.000đ, thuế GTGT là 10%, đã nhận giấy báo có của ngân hàng, giá thực tế hàng xuất kho 22.000.000đ.
- Xuất bán chịu cho công ty Q một lô hàng trị giá bán chưa thuế là 40.000.000đ, thuế GTGT 10%. Theo thỏa thuận, nếu công ty Q thanh toán trước thời hạn sẽ được hưởng chiết khấu 2% trên giá thanh toán, giá thực tế xuất bán 31.500.000đ.
- Nhận được hồi báo của công ty Tân Thành trả lại một số hàng hóa đã mua ở tháng trước, hàng đã nhập kho với giá là 10.000.000đ, đã chi tiền mặt trả lại theo giá bán chưa thuế là 11.000.000đ, thuế GTGT 10%.

Yêu cầu: Tính toán và trình bày các bút toán ghi sổ.
Trình bày các sổ chi tiết và sổ cái của các TK hàng tồn kho.

Bài giải

1. Tình hình mua hàng:

a.
 Nợ TK 156: 142.800.000 = 5.100 x 28.000
 Nợ TK 133: 14.280.000
 Có TK 331: 157.080.000

Email: thien_vodich_no01@yahoo.com

Trần Ngọc Thiện – TCDN 07 – K32

<http://www.nhomsfr.com>**b.**

Nợ TK 156:	4.000.000
Nợ TK 1381:	1.000.000
Có TK 151:	5.000.000

c.

Nợ TK 151:	20.000.000
Nợ TK 133:	2.000.000
Có TK 111:	22.000.000

d.

Nợ TK 331:	15.708.000	= 157.080.000 x 10%
Có TK 133:	1.428.000	= 14.280.000 x 10%
Có TK 156:	14.280.000	= 142.800.000 x 10%
Nợ TK 331:	141.372.000	= 157.080.000 – 15.708.000
Có TK 111:	138.544.560	
Có TK 515:	2.827.440	= (157.080.000 – 15.708.000) x 2%

2. Tình hình bán hàng:**a.**

Nợ TK 632:	22.000.000
Có TK 156:	22.000.000

Nợ TK 112:	30.800.000
Có TK 333:	2.800.000
Có TK 511:	28.000.000

b.

Nợ TK 632:	31.500.000
Có TK 156:	31.500.000

Nợ TK 131:	44.000.000
Có TK 333:	4.000.000
Có TK 511:	40.000.000

Nếu công ty Q thanh toán tiền trước hạn để được hưởng chiết khấu

Nợ TK 635:	880.000	= 44.000.000 x 2%
Nợ TK 111:	43.120.000	
Có TK 131:	44.000.000	

Trần Ngọc Thiện – TCDN 07 – K32

<http://www.nhomsfr.com>

c.

Nợ TK 156: 10.000.000
 Có TK 632: 10.000.000

Nợ TK 531: 11.000.000
 Nợ TK 333: 1.100.000
 Có TK 111: 12.100.000

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 156 CỦA CÔNG TY HH

(Đơn vị tính: đồng)

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu tháng		X	
-	-	Nhận hàng cty Minh Phước	331	142.800.000	
-	-	Nhập kho hàng đang đi đường	151	4.000.000	
-	-	Giảm giá hàng bán cty Minh Phước	331		14.280.000
-	-	Bán hàng cho cty Z	632		22.000.000
-	-	Bán chịu cho cty Q	632		31.500.000
-	-	Nhận lại hàng bị trả từ cty Tân Thành	632	10.000.000	
		Cộng số dư trong tháng		156.800.000	67.780.000
		Số dư cuối tháng		X	